

Nội dung bài viết

1. [Bài văn mẫu 1: Phân tích nhân vật người Vợ nhặt trong truyện Vợ nhặt hay](#)
2. [Bài văn hay 2: Phân tích nhân vật người Vợ nhặt trong truyện Vợ nhặt](#)
3. [Bài văn mẫu 3: Phân tích nhân vật người Vợ nhặt trong truyện Vợ nhặt hay nhất](#)
4. [Bài văn mẫu 4: Phân tích nhân vật người Vợ nhặt trong truyện Vợ nhặt hay nhất](#)
5. [Bài văn hay 5: Phân tích nhân vật người Vợ nhặt trong truyện Vợ nhặt](#)
6. [Dàn ý chi tiết: Phân tích nhân vật người Vợ nhặt trong truyện Vợ nhặt](#)

Bài văn mẫu 1: Phân tích nhân vật người Vợ nhặt trong truyện Vợ nhặt hay

Kim Lân là một nhà văn có nhiều trang viết gắn liền với cuộc sống của những người nông dân Bắc bộ Việt Nam. Ông có nhiều tác phẩm viết về con người và mảnh đất này như: “Làng”, “Vợ nhặt”, “Con chó xấu xí”... Tác phẩm “**Vợ nhặt**” được trích từ tập truyện “Con chó xấu xí” là tác phẩm xuất sắc của Kim Lân. Tác phẩm vừa là bức tranh chân thực về nạn đói khủng khiếp năm 1945 vừa là bài ca ca ngợi vẻ đẹp tình người và khát vọng sống, niềm tin vào tương lai của người lao động nghèo. Dường như nạn đói định mệnh ấy đã làm cho con người ta quên đi cả danh dự, họ bất chấp để được sống, thậm chí chuyện hạnh phúc cả đời cũng tặc lưỡi cho qua. Nhân vật Thị là một điển hình trong số những nạn nhân xấu số của nạn đói đó.

Tác phẩm “Vợ nhặt” được viết ngay sau Cách mạng với tên gọi “Xóm ngụ cư”. Nhưng do thất lạc bản thảo nên sau khi hòa bình lập lại, tác giả đã viết lại thành “Vợ nhặt”. Tác phẩm có nhiều nhân vật nhưng nhân vật người “vợ nhặt” là nhân vật mang lại nhiều thương cảm nhất cho người đọc. Nhân vật này được xây dựng dựa trên sự đối lập giữa hình thức bên ngoài và phẩm chất bên trong, giữa trước và sau khi về làm vợ Tràng.

Trước hết, hình ảnh người vợ nhặt hiện lên là một “người phụ nữ nghèo, cùng đường và liêu lĩnh”. Vì đói mà sẵn sàng bất chấp cả thể diện để có được miếng ăn để sống được qua ngày. Ẩn sau cái vẻ ngoài bất cần ấy Thị là một người đầy “nữ tính và giàu khát vọng”. Điêu này đã góp phần tôn vinh vẻ đẹp của người phụ nữ và lòng ham sống, khát vọng sống vươn lên hướng đến ánh sáng ngày mai. Tất cả những điều này đã mang đến cho người đọc cái nhìn đúng đắn về người vợ nhặt – nạn nhân của nạn đói năm 1945. Đi suốt chiều dài của tác phẩm đúng là người vợ nhặt là “người phụ nữ nghèo, cùng đường và liêu lĩnh”. Thị là một trong số vô vàn các nạn nhân của nạn đói năm Đinh Dậu. Dưới ngòi bút của Kim Lân, người vợ nhặt của anh Tràng chẳng biết từ đâu xuất hiện, không có cái tên để gọi, không có nguồn gốc sinh thành, không quê hương bản xứ, mọi thứ về Thị chỉ là một con số không tròn trĩnh. Không phải là nhà văn không thể đặt cho thị một cái tên mà bởi vì thị là cánh bèo nổi trôi trong nạn đói, là người đàn bà vô danh. Từ đầu đến cuối tác phẩm, nhân vật này chỉ được gọi là “cô

ả”, “thị”, “người đàn bà”, “nàng dâu mới”, “nhà tôi”. Nhưng chính nhân vật này để lại cho người đọc nhiều ấn tượng sâu sắc, đã làm nên tiếng vang cho truyện ngắn *Vợ Nhặt*. Thị bị cơn bão nạn đói thổi cho phiêu dạt đến miền đất này, cuộc sống lê la tháng ngày không biết đến ngày mai nếu như không có cái lều anh Tràng “hồ một câu chơi cho đỡ nhọc” ấy. Thị xuất hiện với ngoại hình không xinh đẹp, hấp dẫn. Chân dung của thị được gọi tả với “những nét không dễ nhìn”. Đó là người phụ nữ gầy vêu vao, “áo quần tả tơi như tổ đũa”, “khuôn mặt lưỡi cày xám xịt” nổi bật với “hai con mắt trũng hoáy”. Phải chăng, sức tàn phá của nạn đói đã khiến thị càng nhếch nhác, tội nghiệp lại càng nhếch nhác, tội nghiệp hơn nữa, nó đã làm cho người phụ nữ ấy chơ nên thâm hơn bao giờ hết. Cái đói không chỉ tàn hại dung nhan của thị mà còn tàn hại cả tính cách, nhân phẩm. Vì đói mà thị trở nên “chao chát”, “chồng lòn”, “chua ngoa, đánh đá”. Thị “cong cớn”, “sưng sả” khi giao tiếp, nói chuyện. Cái đói đã xui khiến thị quên đi ý tứ, lòng tự trọng của người con gái. Được cho ăn, thị sẵn sàng “sà xuống cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì”. Với Thị lúc đó miếng ăn để duy trì cuộc sống còn cao hơn nhân cách, nếu như chết thì nhân cách có cũng chẳng để làm gì.

Phía sau tình cảnh trôi dạt, vất vưởng, người “vợ nhặt” lại có một lòng ham sống mãnh liệt. Thị đồng ý theo Tràng là vì để được sống chứ không phải là loại đàn bà con gái lẳng lơ. Thị bất chấp tất cả để được ăn, ăn để được tồn tại. Đó là ý thức bám lấy sự sống. Khi anh cu Tràng hay đùa, lại đùa “có muốn theo tớ về nhà thì ra khuôn đờ lên xe rồi ta cùng về”. Thị không trả lời mà lặng lẽ theo Tràng về. Thị đã gián tiếp đồng ý, một sự đồng ý không hề có sự băn khoăn hay phân vân gì cả, dường như chuyện dựng vợ gả chồng trở nên dễ dàng và rẻ rúng hơn bao giờ hết. Cái giá của người phụ nữ ít nhất cũng là “*Ba trăm một mụ đàn bà/ Mua về mà trải chiếu hoa cho ngồi*”. Ở đây, thị đã “đại hạ giá” xuống còn bốn bát bánh đúc, hai hào dầu, một thúng con... Thị nào có biết Tràng là ai, tốt xấu như thế nào, quê quán, gốc tích ra sao? Chỉ một câu hò băng quơ và mấy bát bánh đúc là thị đã theo về làm vợ anh Tràng. Phải chăng thị theo Tràng chỉ vì miếng ăn? Thị dễ dàng, hời hợt thế ư? Thực ra hành động theo Tràng của thị xuất phát từ lòng khao khát được sống. Khi đã cận kề cái chết, người đàn bà không hề buông xuôi sự sống. Trái lại, thị vẫn vượt lên trên cái thảm đạm để dựng xây mái ấm gia đình. Tinh thần lạc quan yêu sự sống của thị chính là một phẩm chất rất đáng quý. Nói như Kim Lân: “Khi viết về con người năm đói người ta hay nghĩ đến những con người chỉ nghĩ đến cái chết. Tôi muốn viết một truyện ngắn với ý khác. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai”.

Trên đường về nhà chồng, trước cái nhìn “săm soi”, trước những lời bông đùa, chòng ghẹo của người dân ngụ cư. Nếu như anh cu Tràng sung sướng, tự mãn, cái mặt vênh lên tự đắc với mình thì người đàn bà lại cảm thấy xấu hổ. Thị ngượng ngịu, thiếu tự tin “chân nó bước dúi cả vào chân kia... cái nón rách tàng che nửa khuôn mặt”. Đây là

nữ tính cũng là hình ảnh của một người phụ nữ giàu lòng tự trọng. Thực ra, cái đối đã đẩy đưa thị phải theo Tràng. Cơn bão tố cuộc đời đã xô đẩy thân phận cùng cực ấy ngã vào đôi vai người đàn ông thô kệch. Nhưng biết đâu đấy lại là cái may mắn của thị. Bởi cũng biết đâu, nếu không có cơn bão đưa đẩy của Tràng, ít bữa nữa thôi, thị có khi lại trở thành thầy ma giữa nạn đói khủng khiếp này.

Kim Lân rất tinh tế khi miêu tả nét tâm lý, tính cách của thị. Nhà văn như lọt vào trong nỗi trầm sâu tâm tư tình cảm ấy của người phụ nữ năm đói. Ông như nhìn thấy cả nỗi tủ nhục của kiếp người, thấy cả trong bước chân liêu xiêu, bước dúi vào nhau kia là cả tủi hờn, xấu hổ. Cả tiếng thở dài nào nuốt kia cũng đáng để ông xót xa và mến yêu. Ấy là lúc thị về đến nhà Tràng, nhìn thấy “ngôi nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại”, thị “nén một tiếng thở dài”. Đây là tiếng thở dài ngao ngán, thất vọng nhưng cũng là sự chấp nhận. Ai ngờ cái phao mà thị vừa bám vào lại là một chiếc phao rách.

Trong tiếng thở dài đó vừa có sự lo lắng cho tương lai ngày mai, vừa có cả những lo toan và trách nhiệm của thị về gia cảnh nhà chồng đó phải chăng là thị đã ý thức được phận trách của mình đối với việc cùng chồng chung tay gây dựng gia đình. Tấm lòng của thị thật đáng quý biết bao. Hay chính Kim Lân đã thổi vào tâm hồn thị niềm lạc quan ấy để thị vững lòng cho một cuộc sống ngày mai. Quả thật là thị không tìm thấy ở Tràng một chút gì gọi là nương tựa về vật chất nhưng Tràng chính là chỗ dựa tinh thần vững chắc nhất cho thị vào lúc này. Cuộc sống này xét về tình nghĩa như thế cũng đáng để sống lắm chứ.

Đến lúc này người đọc chợt nhận ra, bên trong vẻ chao chát, chỏng lỏn, thị lại là một người phụ nữ hiền hậu, đúng mực, biết lo toan và cũng giàu lòng tự trọng. Vào trong nhà, thị e thẹn, dè dặt “ngồi mớm” vào mép giường. Thị ý tứ, cung kính, lễ phép chào bà cụ Tứ (chào đến hai lần). Thị thể hiện mình là một nàng dâu hiếu thảo, lễ phép với mẹ chồng..

Sáng hôm sau, thị dậy rất sớm cùng mẹ chồng dọn dẹp, sắp xếp lại nhà cửa, ngôi nhà của bà cụ Tứ giờ đây như được hồi sinh.. Đến đây, người đọc dễ nhận thấy: bao nhiêu vẻ “chỏng lỏn”, “sưng sủa” của thị trước kia không còn nữa. Dường như Thị đã lột xác trở nên nữ tính hơn. Hơn ai hết, Tràng cảm nhận đủ đầy sự thay đổi tuyệt vời ấy “Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu, đúng mực không còn vẻ gì chao chát, chỏng lỏn như những lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh”. Lúc này Tràng cảm thấy vợ mình đã thật sự thay đổi. Chính sức mạnh của tình yêu đã cảm hóa và làm thay đổi con người Thị.

Trong bữa cơm đầu đón nàng dâu: Dù bữa ăn chỉ có “niêu cháo loãng bống, mỗi người được lưng hai bát đã hết nhẵn”, lại phải ăn cháo cám nhưng thị vẫn vui vẻ, bằng lòng. Thị đã làm cho không khí gia đình ấm cúng, thân thương hơn bao giờ hết. Thị chính là ngọn gió mát lành thổi vào cuộc sống của gia đình Tràng, thổi vào cả tâm hồn người

đàn ông phu xe cục mịch, thối cả vào khuôn mặt “búng beo u ám” của bà cụ Tứ để hôm nay trông bà “rạng rỡ hẳn lên”. Thị đã đem sinh khí, thông tin mới mẻ về thời cuộc cho mẹ con Tràng. Nghe tiếng trống thúc thuế, thị nói với mẹ chồng: “Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật chia cho người đói nữa đấy”. Sự hiểu biết này của thị như đã giúp Tràng giác ngộ về con đường phía trước mà anh sẽ lựa chọn. Qua đó, ta cảm thấy nhân vật vợ Tràng, “nàng dâu mới” cũng là Người truyền tin cách mạng.

Có thể nói, người vợ nhặt được miêu tả ít, song đó lại là nhân vật không thể thiếu trong tác phẩm. Thiếu thị, Tràng vẫn chỉ là Tràng của ngày xưa; bà cụ Tứ vẫn lặng thầm trong đau khổ, cùng cực. Chính thị đã thổi một luồng sinh khí, một luồng gió mới vào cuộc sống tối tăm, nghèo khổ của Tràng, làm ngời sáng lên niềm tin vào cuộc sống. Chính Thị là một hình tượng mà nhà văn Kim Lân đã dựng lên để nói với nhân dân và bè lũ độc ác kia rằng người phụ nữ Việt Nam nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung không bao giờ từ bỏ sự sống ở bất cứ hoàn cảnh nào.

Bài văn hay 2: Phân tích nhân vật người Vợ nhặt trong truyện Vợ nhặt

Kim Lân là nhà văn của làng quê Việt Nam với cách viết chân chất, mộc mạc và những hình ảnh nhân vật điển hình cho làng quê. Văn của Kim Lân đi sâu vào lòng người đọc bởi tình cảm bình dị, rất đời thường nhưng chan chứa nghĩa tình. Tác phẩm “*Vợ nhặt*” là một “kiệt tác” của văn học hiện thực Việt Nam, tái hiện thành công xã hội nghèo khổ, cùng cực, bế tắc của người nông dân. Bằng bút pháp tả thực Kim Lân đã xây dựng thành công tuyến nhân vật đại diện cho cuộc sống bần cùng giai đoạn đó. Đó là nhân vật người vợ.

Truyện ngắn “*Vợ nhặt*” của Kim Lân ra đời trong thời kỳ đất nước đang rơi vào nạn đói năm 1945, đời sống nhân dân bần cùng, kẻ sống người chết nham nhảm, người chết như ngã rạ, không buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đống không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người”. Tác phẩm như đã tái hiện lên khung cảnh lúc đó, ở một xóm nghèo nhỏ, người dân sống cực khổ quanh năm, lại thêm cảnh chen ép bắt đóng thuế... nhọc nhằn sao kể xiết.

Ngay từ nhan đề của tác phẩm, Kim Lân đã dẫn người đọc khám phá cuộc sống của những con người nghèo khổ trong xã hội Việt Nam. Là “vợ nhặt”, là chi tiết và là tình huống truyện thắt nút cho diễn biến xoay quanh nhân vật người vợ trong tác phẩm. Từ “nhặt” mang lại cho đọc giả cái cảm giác rẻ rúng, bèo bọt của phận làm nữ nhi, gợi lên niềm xót thương cho số phận con người. “Vợ nhặt” nghe quá đổi chân thực và vẽ lên hình ảnh người phụ nữ có một cuộc sống khó khăn, chẳng được hưởng hạnh phúc trọn vẹn khi ngay cả một đám cưới nhỏ cũng không có hay chính xác hơn là một mâm cơm ngon cũng chỉ như giấc mộng hão huyền ngày cô về làm dâu nhà người ta.

Mở đầu truyện ngắn, tác giả đã phác họa hình ảnh nhân vật anh cu Tràng “hắn bước đi ngật ngưỡng, vừa đi vừa tùm tùm cười, hai bên quai hàm bạnh ra...”. Chỉ với vài chi tiết đó, người đọc cũng đã hình dung được diện mạo xấu xí của một anh nông dân nghèo rách mùng tơi. Từ ngày nạn đói hoành hành, đám trẻ con không buồn trêu Tràng nữa, vì chúng đã không còn sức lực. Bởi cuộc sống quá khó khăn, đói kém con người ta trở nên càng mệt mỏi, chán nản, từ già trẻ, gái trai đều đem sự khắc khổ của đời mà ghim vào những nếp nhăn, nếp chân chim, và làn da rám nắng, thân thể gầy gò quắt queo. Trong khung cảnh chiêu tà, suy nghĩ của Tràng được tái hiện “hắn bước đi từng bước mệt mỏi, cái ao nâu tàng vắt sang một bên cánh tay”. Hình như những lo lắng, cực nhọc đè nặng lên cái lưng gấu của hắn”. Và bỗng một hôm hắn dắt về một người đàn bà lạ hoắc không một ai trong xóm nhỏ quen biết. Dưới ngòi bút miêu tả của nhà văn đây ám ảnh “thị cắp cái thúng con, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt. Thị có vẻ rón rén, e thẹn”. Một người đàn bà nghèo khổ, không còn thứ gì giá trị đi cạnh một người đàn ông nghèo khổ, cùng cực đúng là một đôi trời sinh. Tưởng chừng Thị là một người phụ nữ táo bạo vô duyên nhưng thực chất cũng vô cùng e lệ và suy nghĩ như một người phụ nữ. Cắp thúng con theo Tràng về, nàng dâu mới cũng bên lên theo sau, khi bị trêu chọc cũng e thẹn như bao nàng dâu mới khác. Về đến nhà, khi được Tràng mời ngồi thị chỉ ngồi mớm ở giường, tay vân vê và bộ mặt lộ rõ vẻ đầy lo lắng. Chắc có lẽ thị nghĩ về cuộc sống mới của hai vợ chồng, rồi cuộc đời của thị sẽ đi đến đâu.

Khi trở về nhà, hình ảnh bà cụ Tứ, mẹ Tràng được Kim Lân khắc họa diễn biến và sự chuyển đổi trong tâm tính thật tài tình và sâu sắc. Người đọc sẽ hiểu hơn tấm lòng một người mẹ bao dung và hiền hậu. Chi tiết “bà lão phấp phồng bước theo con vào nhà, đến giữa sân bà dừng lại vì thấy có một người đàn bà ở trong...”. Sự bồn chồn lo lắng của bà cụ bắt đầu hiện lên. Nhưng rồi bà cũng nhận ra, cũng hiểu “bà lão cúi đầu nín lặng, bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán, vừa xót xa cho số kiếp con mình. Chao ôi người ta dựng vợ gả chồng cho con là trong lúc làm ăn nên nổi, còn mình...”. Những suy nghĩ chua xót của bà lão được Kim Lân diễn tả qua một loạt động từ tình thái khiến cho cái khổ, cái đói lại càng vấp và hiển hiện rõ ràng hơn bao giờ hết. Thế nhưng vì thương con, lại một chữ “thương” mà bỏ qua tất cả để người mẹ chấp nhận cuộc sống vất vả, khổ cực có thêm một miệng ăn và bà cũng thương cả hai con người trẻ tuổi trước mặt mình: “Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là con dâu trong nhà rồi”. Có hai tình huống xảy ra mà khiến độc giả có lẽ không cần được nước mắt, đó là khi nhà ăn bữa cơm đầu tiên đón nhận thành viên mới và lúc bà mẹ già bụng nẫu “chè khoán” nghi ngút khói ra đặt cạnh mâm cơm. Trong cái thời nạn đói, người chết như rạ ấy thì một bữa cơm đúng nghĩa quả thực rất khó để có trong một gia đình như của Tráng. Bữa cơm bao gồm “giữa cái mệt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, một đĩa muối ăn với cháo, nhưng cả nhà ăn đều rất ngon lành”. Thật sự là nghèo khó đến tận cùng cạn kiệt. Người vợ vẫn ăn mà không một câu than phiền. Xuất thân của thị cũng có hơn gì ai. Thị cũng nghèo khổ, gầy gò và vì tình thương mà đến làm vợ, làm con dâu nhà

người ta. Thị cũng là một người vô cùng đảm đang và tháo vát. Khi về nhà Tràng, buổi sáng sớm tinh mơ, Thị đã dậy sớm để cùng bà dọn dẹp và sửa sang lại căn nhà vườn tược. Dường như Thị muốn vun vén cuộc sống của gia đình và bắt đầu một cuộc sống mới. Thị cũng rất vui tính và hòa nhập nhanh với cuộc sống mới. Trong bữa ăn, thị kể nhiều câu chuyện, có cả câu chuyện cướp kho thóc Nhật, từ đó dấy lên bao niềm khát khao hi vọng tự do của những người dân nghèo khó. Một bữa cơm đón dâu nghèo nàn đến đáng thương. Tình huống khiến người đọc nhớ mãi, hình ảnh khiến người đọc khi nhắc đến tác phẩm này đều không quên là hình ảnh “nồi cháo cám” trong buổi bữa cơm đón dâu đầu tiên. Hình ảnh “nồi cháo cám” là hiện thân của cái đói nghèo đến cùng cực trong một gia đình “không còn gì giá trị nữa”. Ai cũng muốn có một bữa cơm đón dâu có mâm cao, cỗ đầy trong ngày rước dâu nhưng gia cảnh nghèo nàn, “nồi cháo cám” là thứ duy nhất đọng đầy yêu thương bà Tứ có thể mang lại cho con. Và có lẽ trong thâm tâm người “vợ nhật” cảm thấy xúc động thêm thương xót cho những con người trong gia đình này. Hoá ra cái đánh đá, trở trăn trước kia ở người đàn bà Tràng lấy làm vợ chẳng qua là do đói do khát mà ra.

Qua truyện ngắn *Vợ nhật*, Kim Lân đã khắc họa nhân vật người phụ nữ vợ nhật rất thành công. Tác giả chú trọng khắc họa hành động, cử chỉ, nét mặt của nhân vật để người đọc hiểu được tâm lý của người phụ nữ. Nhà văn lựa chọn được những chi tiết rất phù hợp để bộc lộ số phận cũng như vẻ đẹp của nhân vật. Nhân vật vợ nhật nắm giữ vai trò khá quan trọng trong việc làm nổi bật chủ đề tư tưởng của tác phẩm đồng thời có vai trò quyết định trong việc hình thành nên tình huống truyện. Trong mái ấm gia đình, người đàn bà ấy đã sống với bản chất tốt đẹp vốn có của mình, của một người phụ nữ Việt Nam.

Bài văn mẫu 3: Phân tích nhân vật người Vợ nhật trong truyện Vợ nhật hay nhất

Trong ký ức của mỗi người Việt Nam, nạn đói năm Ất Dậu vẫn là một cơn ác mộng khó quên. Cũng từ đó, miếng cơm manh áo từ nỗi đau hiện thực trở thành đề tài sáng tác của những nhà văn. Thân phận những con người trở nên tàn thương, đến cả chuyện hạnh phúc lứa đôi cũng là chuyện rẻ rúng. Tất cả những điều đó đều được ghi lại bằng ngòi bút của Kim Lân qua nhân vật người vợ nhật trong tác phẩm cùng tên.

Trước tiên, ta thấy Thị là nạn nhân của nạn đói với cuộc sống trôi nổi, bấp bênh. Là nhân vật vô danh, người vợ nhật là đại diện chung của số phận của những người phụ nữ không may sinh ra trong hoàn cảnh bất hạnh. Người phụ nữ ấy không tên, không tuổi, không quê hương, không quá khứ. Từ đầu đến cuối tác phẩm, Kim Lân chỉ ban tặng cho nhân vật này những cách gọi tên rất chung chung như “cô ả”, “thị”, “người đàn bà”, “nàng dâu mới”, “nhà tôi”. Thị xuất hiện một cách bạo dạn, đáng thương trong hai lần gặp Tràng. Thị “ngồi vêu ra” lẫn trong đám con gái ngồi chờ nhặt hạt thóc rơi. Thị ton ton chạy lại đẩy xe tiếp Tràng với hi vọng được “kiếm ăn” nhưng thất bại. Từ sự cong cớn, liếc mắt cười tít, Thị chuyển sang vẻ tiều tụy, hốc hác vì cái đói trong lần gặp thứ hai “Hôm nay thị rách quá, áo quần tả tơi như tổ đĩa, thị gầy sọp hẳn đi, trên

cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt”. Tràng dường như không thể nhận ra thị. Cùng với sự thay đổi về hình thức, cái đói đã xóa đi cái hồn nhiên hóm hỉnh của thị khi gặp Tràng, chị biến thành một người phụ nữ “đơn đả”, táo bạo và liều lĩnh. Thị đói đến mức cầm đầu ăn bốn bát bánh đúc liều “Thị cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liều chẳng chuyện trò gì. Ăn xong thị cầm dọc đôi đũa quệt ngang miệng”. Kim Lân đã khắc họa hình ảnh một người phụ nữ thật đáng thương! Từ ngoài hình đến cử chỉ, hành động, thị đều hiện lên trên trang giấy với sự khắc khổ, nhếch nhác, tội nghiệp. Cái đói chẳng những tàn hại dung nhan mà còn tước đoạt cả tính cách và nhân phẩm của thị. Vì đói mà trở nên “chao chát”, “chồng lòn”, “sưng sả”.. Cái đói khiến thị quên đi việc giữ gìn ý tứ và lòng tự trọng của con gái. Càng tội nghiệp hơn khi cái đói buộc thị phải trở thành “người vợ nhạt” sau một câu nói nửa đùa nửa thật “này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cũng về”. Thế là xong một câu chuyện tình, một cuộc hôn nhân! Sự lãng mạn chỉ là đi đầu không tưởng. Đang trên bờ vực của cái chết, thị còn lựa chọn nào hơn? Trong suy nghĩ của thị, Tràng như một cái phao cứu sinh, cứu thị ra khỏi sự đói khát của thế kỷ. Cái đói đã làm cho thị và biết bao người dân lúc bấy giờ rẻ rúng như vậy. Có ai ngờ được hạnh phúc lứa đôi được xây đắp bằng bốn bát bánh đúc và một lời nói bông đùa? Nhưng trong hoàn cảnh “người chết như ngã rạ”, “không khí ẩm lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người” thì hạnh phúc tầm thường, đơn sơ kia cũng đáng quý biết bao.

Bên cạnh đó, Thị còn là người phụ nữ với lòng ham sống mãnh liệt. Thị đồng ý theo không Tràng là vì để được sống chứ không phải là lẳng lơ. Khát vọng sống mãnh liệt thúc giục thị phải tìm ra lối thoát cho hoàn cảnh thương tâm. Niềm lạc quan lạc sống ấy chính là một phẩm chất đáng quý mà nói như Kim Lân: “Khi viết về con người năm đói người ta hay nghĩ đến những con người chỉ nghĩ đến cái chết. Tôi muốn viết một truyện ngắn với ý thức khác. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai”. Thị đến với Tràng trước hết làm tìm một chỗ nương tựa trong đói kém. Bởi thế, thị không thể giấu nổi sự thất vọng thầm kín trước gia cảnh thảm thương của gia đình Tràng “cái nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại. Thị đảo mắt nhìn quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài”. Trên đường về nhà chồng, trước những lời bàn tán xôn xao, những chỉ trích chòng ghẹo của người dân ngụ cư, người vợ nhạt cảm thấy xấu hổ, ngượng ngịu đến mức “chân họ bước dúi cả vào chân kia”. Về đến nhà chồng, thị thất vọng trước cảnh nhà quá tồi tàn, khổ sở nhưng cố nén lại tất cả vào trong suy nghĩ. Trong tiếng thở dài ấy không chỉ có nỗi thất vọng mà còn xen cả lo toan, ý thức trách nhiệm, bổn phận của mình trong việc xây dựng cuộc sống gia đình về sau..

Nhân vật Thị còn để lại ấn tượng sâu sắc cho người đọc bởi những phẩm chất tốt đẹp. Vào trong nhà, thị e thẹn “ngồi móm” vào mép giường và chào u một cách lúng túng. Khác với vẻ chao chát, cong cớn, chồng lòn ban đầu, thị bây giờ là nàng dâu mới với đầy đủ sự ý tứ, cung kính, mực thước. Chính tình cảm yêu thương, sự đùm bọc sẽ

chia trong cơn hoạn nạn đã khiến con người sống tốt hơn, ý thức sâu sắc hơn về bổ phận và trách nhiệm của mình. Sáng hôm sau, thị dậy sớm để cùng mẹ chõng dọn dẹp trong ngoài. Đến cả chính Tràng cũng phải ngạc nhiên: “Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu, đúng mực, không còn vẻ gì chao chát chỏng lỏn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh”. Trong bữa cơm đón nàng dâu mới bữa cơm thăm hai ngày đôi, thị vẫn vui vẻ bằng lòng với bát cháo cám đắng chát. Thị là một cơn gió mới trong gia đình. Hiện thực khắc nghiệt, xót xa “người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại” nhưng thị vẫn “điềm nhiên và vào miệng”. Hoàn cảnh đấy, ai cũng phải cất lại nỗi tủi hờn bên trong để vui vẻ cũng hạnh phúc bình dị, đơn sơ. Sự lạc quan được gói trọn trong lời của bà cụ Tứ: “Cám đấy mày ạ, hì. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem. Xóm ta khối nhà còn chả có cám mà ăn đấy”. Bên cạnh đó, người vợ nhặt còn là người phụ nữ thông minh hiểu biết. Nghe tiếng trống thúc thuế, thị tỏ ra ngạc nhiên hỏi mẹ chõng “Ở đây vẫn phải đóng thuế cơ à?” Câu nói của thị làm Tràng ngờ ngợ vỡ ra trong suy nghĩ “hắn đang nghĩ đến những người phá kho thóc Nhật”, “trong ý nghĩ của hắn vụt ra cảnh những người nghèo đói ầm ầm eo nhau đi trên đê Sộp. Đằng trước có lá cờ đỏ to lắm”...

Điểm nhấn nghệ thuật ở người vợ nhặt chính là nghệ thuật khắc họa nhân vật của nhà văn Kim Lân. Tác giả đã đặt nhân vật trong tình huống “lạ”, “éo le”; diễn biến tâm lí được khắc họa qua các sự kiện với sự quan sát tỉ mỉ, tinh tế qua hệ thống ngôn ngữ giản dị, mộc mạc. Như vậy, nhân vật người vợ nhặt trong tác phẩm “Vợ nhặt” của Kim Lân là một nhân vật tiêu biểu cho hình tượng người phụ nữ lao động nghèo khổ, đáng thương. Nhưng dù bị đẩy vào hoàn cảnh khốn cùng, thị vẫn ngời sáng bởi lòng ham sống, những phẩm chất tốt đẹp và niềm tin tưởng ở tương lai.

Bài văn mẫu 4: Phân tích nhân vật người Vợ nhặt trong truyện Vợ nhặt hay nhất

Nhân vật "Thị" là một thành công đặc sắc của Kim Lân trong nghệ thuật phân tích tâm trạng người phụ nữ cùng khổ trong nạn đói năm Ất Dậu, 1945. Nhân vật vợ Tràng được miêu tả bằng những nét ám ảnh, xót thương, có vai trò tô đậm tư tưởng nhân đạo của tác phẩm.

Trận đói đang diễn ra vô cùng khủng khiếp. Người chết đói như ngã rạ. Quạ bay vù lên như những đám mây đen trên nền trời. Đoàn người chạy đói từ những vùng Nam Định, Thái Bình đội chiếu lũ lượt như những bóng ma xanh xám, nằm ngổn ngang khắp lều chợ. Mùi gậy của xác người. Thị cũng chạy đói "ngỡ về ra" cùng mấy chị con gái nơi cửa nhà kho. Không họ tên, không rõ quê quán, tuổi tác. Chắc cha mẹ, anh chị em đã chết đói cả rồi? Cái đói đã cướp đi của tất cả. Lần đầu nghe Tràng hò "muốn ăn cơm trắng mấy giò...", thị bị mấy cô bạn "đẩy vai". Thị "cười như nắc nẻ" cong cớn nói với Tràng: "Này nhà tôi ơi, nói thật hay nói khoác đấy?". Thị "liếc mắt cười tít" làm cho anh cu Tràng "thích lắm". Lần sau, thị gặp lại Tràng thì đã thay đổi hẳn. Áo quần rách tả tơi như tổ đũa. Thị gầy sọp đi. Khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt. Dưới chân thị là vệt thắm, là chết đói! Thị "sưng sứa" trách Tràng là

"điều", "leo lẻo cái mồm hện xuống thế mà mất mặt!". Thấy Tràng vỗ vào cái túi khoe "rích bố cu", hai con mắt "trũng hoáy" của thị tức thì sáng lên. Thị "đon đả" với anh cu Tràng: "Ăn thật nhá!". Thị đã ăn liền một chặp bốn bát bánh đúc rồi thở, khen: "Hà, ngon!". Cũng biết đùa, biết trêu ghẹo như phần đông các cô gái khác, nói với Tràng rất lẳng lơ: "Về chị ấy thấy hột thì bỏ bố!". Chỉ một câu nói tâng phào của Tràng "làm đếch gì có vợ...", thế là thị theo về ngay, "thị về thật". Khi đứng trong cái nhà "vắng teo... rúm rỏ" của mẹ con Tràng, thị đảo mắt nhìn xung quanh, thất vọng "cái ngực gầy lép nhô hẳn lên, nén một tiếng thở dài". Từ dáng điệu, cử chỉ đến cách ăn nói đối đáp, thị vừa cong cớn, vừa thô lỗ, sỗ sàng. Thị đã nhin đói nhiều ngày. Cái đói hành hạ. Chết đói là đi đâu cần chắc, cần được ăn để sống. Thị cần có nơi nương tựa để khỏi chết đói. Bản chất tốt đẹp của người con gái đã bị nạn đói, cái đói khủng khiếp cướp mất đi, che lấp đi, thật đáng thương! Thị có khác gì người ăn mày nọ:

"Ăn mày là ai? Ăn mày là ta!"

Đói cơm rách áo hóa ra ăn mày!"

(Ca dao)

Bản chất của người con gái đói khổ không rõ họ tên này không phải là xấu. Cách kể, cách tả của Kim Lân rất đôn hậu, nhiều bao dung, thương cảm, đem đến cho ta nhiều xúc động. Chỉ qua một ngày một đêm, sau khi đã thành vợ của Tràng, thành "nàng dâu mới" của bà cụ Tứ, ta thấy nhân vật này có những biểu hiện, những tình cảm tốt đẹp như bao người phụ nữ khác. Dù kề bên cái chết, cô gái này vẫn khao khát hạnh phúc, muốn được sống trong mái ấm gia đình, một mái ấm tình thương, có chồng con như những người đàn bà may mắn khác. Trước cái nhìn tò mò của bà con xóm chợ, thị "ngượng nghịu, chân nọ bước dụi cả vào chân kia". Nghe bọn trẻ con gào lên: "Anh Tràng ơi! Chồng vợ hài", thị "nhúu đôi mày lại", rồi đưa tay lên "xóc xóc lại tà áo". Chưa gặp bà cụ Tứ, thị rất băn khoăn lo lắng "mặt bần thần". Đứng trước mặt mẹ chồng, trông thị rất đáng thương: "cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt". Nghe bà cụ Tứ nói: "Con ngẩng xuống đây. Ngẩng xuống đây cho đỡ mỏi chân" thị "vẫn khép nép đứng nguyên chỗ cũ". Đó là tâm trạng của một người con gái lấy chồng không một quả cau, một lá trầu, không cheo cưới. Tủi cho cảnh ngộ. Tủi cho duyên số. Thật đáng thương!. Thị cũng có nhiều biểu hiện rất nữ tính "hay đáo đẽ". Cái "liếc mắt cười tít" lần đầu gặp Tràng. Cái phát đánh đét vào lưng Tràng với tiếng mắng yêu: "Khỉ gió". Một lời trách nhẹ chồng: "... chuyện dai thế, đợi sốt cả ruột". Một cái cụng vào trán Tràng kèm theo câu nói yêu: "Chỉ được cái thế là nhanh. Dơ!". Sau bao tháng ngày, chạy đói, sống vất vưởng lang thang nơi đâu đường xó chợ, cái chết đói đến dần, thị đã trở thành vợ của Tràng, dù còn nhiều thử thách lo lắng, nhưng thị đã có sự đổi đời. Niềm vui trong tối tân hôn thể hiện cảm động niềm khát khao hạnh phúc của một người phụ nữ trong đói khát hoạn nạn. Hạnh phúc muộn màng nhưng đáng quý giá biết bao! Ngòi bút hóm hỉnh của Kim Lân thể hiện bao trân trọng trước niềm vui hạnh phúc và sự đổi đời của vợ chồng Tràng.

Nhân vật vợ Tràng có nhiều thay đổi tốt đẹp. Dậy sớm cùng mẹ chồng quét tước, thu dọn nhà cửa sạch sẽ gọn gàng, xây đắp tổ ấm hạnh phúc. Tiếng chổi quét sân của thị "kêu sần sạt trên mặt đất" tưởng như niềm vui đang xôn xao trong lòng thị? Thị "lặng lặng" đi vào bếp dọn bữa ăn sáng, Tràng cảm thấy vợ mình rất đáng yêu. Bà cụ Tứ đã có "nàng dâu mới", Tràng đã có vợ. Nhà thêm người, thêm bát đũa, thêm nhân lực. Thị đã đem sinh khí, thông tin mới mẻ về thời cuộc cho mẹ con Tràng. Nghe tiếng trống thúc thuế, thị nói với mẹ chồng và chồng: "Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa, người ta phá cả kho thóc của Nhật chia cho người đói nữa đấy". Qua đó, ta cảm thấy nhân vật vợ Tràng, "nàng dâu mới" cũng là người truyền tin cách mạng.

Vai trò nhân vật vợ Tràng trong truyện "Vợ nhặt" là một nhân chứng tố cáo, lên án tội ác tày trời của Nhật - Pháp gây ra nạn đói năm 1945 làm hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói. Nạn đói do chúng gây ra khủng khiếp đã hạ thấp nhân phẩm con người, cướp đi mọi giá trị của con người biến người con gái như một thứ đồ rẻ rúng có thể "nhặt" được! Nhân vật vợ Tràng gầy đói xác xơ, về làm dâu bà cụ Tứ phải mặc áo quần rách như tổ đũa, bữa cơm đầu tiên ở nhà chồng là một bữa cháo cám - hình ảnh ấy, tình tiết ấy thật đáng thương. Và đó cũng là nỗi đau, nỗi nhục của nhân dân ta trong cảnh lầm than nô lệ.

Nhân vật vợ Tràng trong truyện "Vợ nhặt" đã nói lên một sự thật ở đời. Trong đói khổ hoạn nạn, kề bên cái chết, nhân dân ta vẫn khao khát được sống ấm no hạnh phúc. Những người nghèo khổ đã dựa vào nhau, san sẻ vật chất và tình thương cho nhau để vượt qua thử thách khắc nghiệt, vươn tới ấm no hạnh phúc và sự đổi đời với niềm tin: "Ai giàu ba họ, ai khó ba đời"... Cũng như bà cụ Tứ, anh cu Tràng, nhân vật vợ Tràng đã có vai trò thể hiện tư tưởng nhân đạo của tác phẩm "Vợ nhặt".

Ai đó từng nói rằng “Hãy hướng về phía mặt trời, bóng tối sẽ ngã sau lưng bạn”.

Truyện ngắn Vợ nhặt là lời kết tội đanh thép đối với thực dân Pháp và phát-xít Nhật cùng bọn phong kiến tay sai đã đẩy con người vào thảm cảnh chết đói khủng khiếp, mạng người như cỏ rác. Không chỉ vậy, Vợ nhặt còn mang ý nghĩa nhân bản sâu xa rằng dù trong tình huống bi thảm đến đâu, dù kề bên cái chết, con người vẫn yêu thương, trân trọng, đùm bọc lẫn nhau, vẫn khát khao hạnh phúc, muốn sống như một con người, sống nên người.

Nam Cao từng nói “Một người đàn bà thật xấu khi yêu cũng lười”, nó quả đúng với nhân vật Thị trong Vợ nhặt. Tôi nghĩ, đó là cái lười yêu của cô Thị không chỉ thật xấu mà còn thật rách và còn thật đói. Nhưng có lẽ khi đang đưa con mắt, Tràng và Thị, họ đã quên đi cuộc sống ở cõi trần đang mấp mé bờ vực cõi âm, cõi âm như hòa với cõi trần, để chỉ còn nhớ đến sự thương yêu. Thật trân trọng và cảm phục biết bao trước những giản dị của hạnh phúc của đời thường!

Bài văn hay 5: Phân tích nhân vật người Vợ nhặt trong truyện Vợ nhặt

Nhà văn Kim Lân, tên thật là Nguyễn Văn Tài, sinh ngày 1-8-1920, tại thôn Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, là một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc của nền văn học Việt Nam thế kỉ XX. Sự nghiệp văn học của ông tuy không đồ sộ nhưng lại rất đặc sắc và khó trộn lẫn. Một số truyện ngắn của ông được xếp vào hàng kinh điển trong văn xuôi Việt Nam thế kỷ XX như *Vợ nhặt*, *Làng*, *Con chó xấu xí*...

Truyện ngắn “*Vợ nhặt*” của Kim Lân ra đời trong thời kỳ đất nước đang rơi vào nạn đói năm 1945, đời sống nhân dân bần cùng, kẻ sống người chết nham nhảm, “người chết như ngã ra, không buồn sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm công queo bên đường. Không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người”. Khung cảnh xóm ngụ cư ấy đã diễn tả được cái đói đang hoành hành, đời sống nhân dân thê thảm. Tác phẩm *Vợ nhặt* xoay quanh câu chuyện của ba người trong một gia đình ngụ cư. Đầu tiên là một người làm nên chính cái tên của truyện lại không có tên, không biết tuổi. Đó chính là vợ Tràng. Người phụ nữ ấy chỉ là một trong số hàng ngàn, hàng vạn thân phận phụ nữ cùng thời. Do đó, người ấy rất dễ bị lãng quên, ít ai chú ý tới nhưng với nhà văn đó là một số phận không thể bỏ qua, một số phận gây nhức nhối, trăn trở. Sự hấp dẫn của nhân vật nữ này phải chăng là từ một người trong cõi mù mịt, không đâu vào đâu trở thành một nàng dâu hiền thực của bà cụ Tứ?

Vợ Tràng là người đàn bà không rõ lai lịch, không có gia đình, không có nhà cửa. Cô ta thậm chí không có tên và khi xuất hiện lúc được gọi là thị, là cô ả, lúc là người đàn bà. Chỉ có bà cụ Tứ xem *vợ Tràng* là nàng dâu, con dâu, là con và được *Tràng* gọi là nhà tôi mà thôi. Trước khi về nhà bà cụ Tứ, cô ta cùng với mấy chị con gái ngỗ vêu ra ở cửa nhà kho thóc Liên đoàn chờ nhặt hạt rơi, hạt vãi, hay ai có công việc gì gọi đến thì làm. Trong nạn đói hễ ấy, thân phận con người thật rẻ rúng. Dâu phải *vợ Tràng* mới là người không tên, không tuổi, còn biết bao chị gái như thế.

Khi mới gặp *Tràng*, *Thị* là người đánh đá, táo bạo tới mức trở nên trơ trẽn. Nghe anh chàng phu xe hò một câu cho đỡ nhọc (Muốn ăn cơm trắng mấy giò này / Lại đây mà đẩy xe bò với anh nì), *thị* đã cong cớn bám lấy rồi vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho *Tràng*. Gặp lần thứ hai, khi *Tràng* vừa trả hàng xong, *thị* đầu xấn xấn chạy đến. *Thị* đứng trước mặt mà xưng xỉa nói: *Điều! Người thế mà điều!* Khi thấy anh *Tràng* có vẻ dễ bắt choẹt, *thị* tiếp tục cong cớn. Thấy có miếng ăn, hai con mắt trũng hoáy của *thị* tức thì sáng lên rồi *thị* ngỗ sà xuống ăn như chết đói. *Thị* cầm đầu ăn một chập bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì. Ăn xong, *thị* cầm dọc đôi đũa quệt ngang miệng mà khen ngon. Phải chăng đây là tính cách cốn cốn của người đàn bà này? Không, từ đầu đến lúc theo *Tràng* về nhà, người phụ nữ ấy hành động hoàn toàn theo bản năng của mình. *Thị* làm tất cả chỉ để có được miếng ăn.

Khi đã chấp nhận làm vợ của Tràng, trên con đường trở về nhà của Tràng, thị thay đổi hẳn. Trong khi Tràng mặt có một vẻ gì hơn hờ khác thường, hay tủm tỉm cười một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh, thì thị lại đi sau hắn chừng ba bốn chục thước, cắp cái thúng con, cái nón tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa khuôn mặt. Thị có vẻ rón rén, e thẹn. Rõ ràng so với người đàn bà mới ban trưa, bây giờ thị đã là một con người khác. Ban trưa, lúc ở ngoài chợ, thị sấn sổ, cong cớn để được ăn, còn bây giờ, thị đang về nhà chồng. Và lại, thị bắt đầu ý thức về thân phận của mình, là người vợ theo không. Té ra, thị chẳng có chút quyền uy nào, kể cả quyền lựa chọn và đành chấp nhận thuận theo số phận khi đã đến bước đường cùng.

Tuy nhiên, dù cố đấm ăn xôi đi nữa, thị vẫn là người có ý thức về giá trị của bản thân. Trên đường về nhà chồng, khi anh Tràng lấy làm thích thú trước cảnh lũ trẻ con chọc ghẹo, thì thị có vẻ rất khó chịu lắm, đôi lông mày nhíu lại, đưa tay lên xóc lại tà áo. Trẻ con nghịch ngợm chọc ghẹo còn được, đằng này đến người lớn cũng tò mò, thị càng ngượng và xấu hổ, chân nọ dúi cả vào chân kia. Anh Tràng đến là vô tư, cứ lấy vợ vậy làm thích thú. Thị cầu nhàu trong miệng và lăm lăm đi đến nỗi đi nhàn đường. Thị mong sớm đến nhà “chồng” để tránh sự dòm ngó của mọi người xung quanh.

Về nhà của Tràng, thị càng khác hơn. Người đàn bà ấy có cái tò mò bên lề của nàng dâu mới. Thị đảo mắt nhìn chung quanh. Quả là nghèo quá, nghèo xơ xác. Thị nén tiếng thở dài. Anh Tràng muốn vợ mình được tự nhiên, cứ giục vợ ngủ đi, nhưng thị chỉ dám ngủ gật móm xuống mép giường. Khi bà cụ Tứ về, người đàn bà ấy chủ động chào bà bằng u. Trước mặt người mẹ chồng, thị càng rụt rè sợ sệt, vẫn đứng nguyên chỗ cũ, khẽ nhúc nhích. Chính thái độ ấy cùng hoàn cảnh của thị đã khiến bà cụ Tứ, trái với sự dò xét thông thường của những người mẹ chồng đối với nàng dâu, bà nhìn thị lòng đầy thương xót. Bà nhanh chóng đón nhận thị là dâu dù chỉ mấy phút trước đó cả hai đều hoàn toàn xa lạ. Sáng ngày hôm sau, thị đã trở thành người vợ đảm đang. Cùng với bà cụ Tứ, thị thức dậy sớm, lo dọn dẹp nhà cửa, quét tước sân vườn sạch sẽ. Người vô tâm như anh Tràng vẫn nhận ra sự thay đổi kỳ lạ ở con người thị. Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không có vẻ gì chao chát chỏng lỏn như mấy lần gặp ngoài chợ tỉnh. Không những thế, thị còn tỏ ra là người biết tu chí làm ăn. Khi thị hỏi bà cụ Tứ về tiếng trống ồn ào ngoài đình và biết đó là tiếng trống thúc thuế, thị đã khe khẽ thở dài. Rồi chính thị là người đầu tiên kể cho cả nhà nghe chuyện trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa mà đi phá kho thóc Nhật, chia cho người đói.

Câu chuyện ấy khiến Tràng ân hận và tiếc rẻ khi nhớ lại mình đã từng có cơ hội làm như thế mà chẳng làm. Ai biết rồi đây, để chăm lo cho cuộc sống gia đình của mình, người phụ nữ này có khi cả gan hơn cả anh cu Tràng! Bữa cơm nghèo buổi sáng hôm ấy, thị cũng như bà cụ Tứ và anh Tràng đều thấy một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mình khi phải nuốt những miếng cơm đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Song, thị cũng như hai mẹ con Tràng, đều cố tránh nhìn mặt nhau, đều không muốn làm người khác phải buồn tủi hơn. Phải ý nhị lắm, phải tinh tế đến nhường nào mới có thái độ ứng xử đầy

chất nhân văn và tinh tế như vậy. Hoá ra cái danh đá, trở trên trước kia ở người đàn bà Trảng lấy làm vợ chẳng qua là do đói do khát mà ra. Khi được sống trong tình thương, trong mái ấm gia đình, người đàn bà ấy đã sống với bản chất tốt đẹp vốn có của mình, của một người phụ nữ Việt Nam

Qua truyện ngắn Vợ nhặt, Kim Lân đã khắc họa nhân vật người phụ nữ vợ nhặt rất thành công. Tác giả chú trọng khắc họa hành động, cử chỉ, nét mặt của nhân vật để người đọc hiểu được tâm lí của người phụ nữ. Nhà văn lựa chọn được những chi tiết rất phù hợp để bộc lộ số phận cũng như vẻ đẹp của nhân vật. Nhân vật vợ nhặt nắm giữ vai trò khá quan trọng trong việc làm nổi bật chủ đề tư tưởng của tác phẩm đồng thời có vai trò quyết định trong việc hình thành nên tình huống truyện. Qua nhân vật này người đọc cũng thấu hiểu được tài năng cũng như tấm lòng của nhà văn. Vợ nhặt một nhân vật vô danh.

Dàn ý chi tiết: Phân tích nhân vật người Vợ nhặt trong truyện Vợ nhặt

a) Mở bài

- Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm:

+ Kim Lân là cây bút chuyên viết truyện ngắn, am hiểu sâu sắc đời sống của người nông dân và thường tập trung viết về họ.

+ "**Vợ nhặt**" là một trong số những truyện ngắn đặc sắc viết về người nông dân của Kim Lân.

- Khái quát về nhân vật người vợ nhặt: Một trong những nhân vật đóng vai trò quan trọng trong tác phẩm này chính là người vợ nhặt - đại diện cho những nạn nhân xấu số của nạn đói năm 1945.

b) Thân bài

*** Khái quát về truyện ngắn:**

- Hoàn cảnh sáng tác: **Vợ nhặt** được in trong tập *Con chó xấu xí* với tiền thân là tiểu thuyết *Xóm ngụ cư* được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám nhưng dang dở và mất bản thảo. Sau khi hòa bình lập lại (năm 1954), Kim Lân đã dựa vào một phần truyện cũ để viết truyện ngắn này.

- Giá trị nội dung tác phẩm: Truyện ngắn không chỉ miêu tả tình cảnh thê thảm của người nông dân nước ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 mà còn thể hiện được bản chất tốt đẹp và sức sống kì diệu của họ, ngay trên bờ vực của cái chết họ vẫn hướng về sự sống, khát khao tổ ấm gia đình và thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.

*** Lai lịch, xuất thân và hoàn cảnh của Thị**

- Không có quê hương gia đình -> nạn đói năm 1945 đã khiến biết bao con người bị dứt khỏi quê hương, gia đình.

- Tên tuổi cũng không có và qua tên gọi “vợ nhặt” -> cho thấy sự rẻ rúng của con người trong cảnh đói.

- Hoàn cảnh:

+ Không việc làm cụ thể, cuộc sống bấp bênh, bị nạn đói dồn dập đẩy đang trên bờ vực cái chết.

+ Cái đói quay quắt đã dồn đẩy chị, làm chị đánh mất cả sĩ diện và lòng tự trọng

=> Thị là nạn nhân của nạn đói với số phận bi thảm, đáng thương.

*** Chân dung ngoại hình của Thị**

- Ngoại hình:

+ Quần áo tả tơi như tổ đũa, gầy sọp

+ Khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn hai con mắt.

+ Cái ngực gầy lép nhô lên

=> Ngoại hình không mấy dễ nhìn, là hiện thân của sự nghèo đói, khốn khổ.

- Hành động, cử chỉ

+ Lần thứ nhất, khi nghe câu hò vui của Tràng, thị đã vui vẻ giúp đỡ -> đây chính là sự hồn nhiên vô tư của người lao động nghèo.

+ Lần thứ hai:

• Thị sừng sủa mắng Tràng, từ chối ăn trầu để được ăn một thứ có giá trị hơn

• Khi được mời ăn tức thì ngẩng sà xuống, mắt sáng lên, “ăn một chặp bốn bát bánh đúc”

• Khi nghe Tràng nói đùa “đằng ấy có về với tớ... cùng về”, thị đã theo về thật -> Trong cái đói khổ, đó là cơ hội để thị bầu vút lấy sự sống.

=> Cái đói khổ không chỉ làm biến dạng ngoại hình mà cả nhân cách con người, khiến người ta mất đi cả lòng tự trọng, sĩ diện và sự e thẹn, dẫu rằng vốn có của người phụ nữ.

*** Phẩm chất, vẻ đẹp tâm hồn của Thị**

- Có khát vọng sống mãnh liệt:

+ Quyết định theo Tràng về làm vợ dù không biết về Tràng, chấp nhận theo không về không cần sính lễ vì thị sẽ không phải sống cảnh lang thang đầu đường xó chợ.

+ Khi đến nhà thấy hoàn cảnh nghèo khổ, trái ngược lời tuyên bố “rích bố cu”, thị “nén một tiếng thở dài”, dù ngao ngán nhưng vẫn chịu đựng để có cơ hội sống.

- Thị là người ý tứ và nết na:

+ Trên đường về, thị cũng rón rén e thẹn đi sau Tràng, đầu hơi cúi xuống, thị ngại ngùng cho thân phận vợ nhặt của mình.

+ Khi vừa về đến nhà, Tràng đơn đả mời ngồi, chị ta cũng chỉ dám ngồi móm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng, thể hiện sự ý tứ khi chưa xác lập được vị trí trong gia đình.

+ Khi gặp mẹ chồng, ngoài câu chào thị chỉ cúi đầu, “hai tay vịn vào tà áo đã rách bợt”, thể hiện sự lúng túng ngượng ngịu.

+ Sáng hôm sau, thị dậy sớm quét tước nhà cửa, không còn cái vẻ “chao chát, chỏng lỏn” mà hiền hậu, đúng mực.

+ Lúc ăn cháo cám, mới nhìn “mắt thị tối lại”, nhưng vẫn đi đều nhiên và vào miệng thể hiện sự nể nang, ý tứ trước người mẹ chồng, không buồn làm bà buồn.

=> Cái đói có thể cướp đi nhân phẩm trong khoảnh khắc nào đó chứ không vĩnh viễn cướp đi được tâm hồn con người.

- Thị còn là người có niềm tin vào tương lai: kể chuyện phá kho thóc trên Thái Nguyên, Bắc Giang để thắp lên hi vọng cho cả gia đình, đặc biệt là cho Tràng.

=> *Nhận xét chung:* Nhân vật người vợ nhặt là nhân vật thể hiện giá trị hiện thực và nhân đạo trong tác phẩm, tiêu biểu cho những người nghèo khổ, khổn cùng bị cái đói, cái chết đe dọa, dồn đẩy đến bước đường cùng. Thị luôn khao khát hạnh phúc gia đình, đem đến làn gió tươi sáng, ấm áp cho gia đình anh Tràng và cả người dân ở xóm ngụ cư trong hoàn cảnh bi đát nhất.

*** Đặc sắc nghệ thuật**

- Xây dựng tình huống truyện độc đáo.
- Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn
- Dựng cảnh sinh động, có nhiều chi tiết đặc sắc.
- Nhân vật được khắc họa sinh động, đối thoại hấp dẫn
- Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế.
- Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị nhưng chất lọc và giàu sức gợi.

c) Kết bài

- Khái quát chân dung, vẻ đẹp của nhân vật người vợ nhặt.
- Nêu cảm nhận của em về nhân vật.